**ỦY BAN NHÂN DÂN** **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỈNH ĐỒNG NAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND *Đồng Nai, ngày tháng năm 2022*

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm  
non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**––––––––––––––**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (viết tắt là Nghị định 81/2021/NĐ-CP); Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thế như sau:

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Trong giai đoạn qua, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các Nghị quyết về thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh gồm: Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 về Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 – 2021; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân tỉnh tỉnh về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021.

Bên cạnh đó, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2021 - 2022 đối với trẻ em, học sinh, học viên và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do dịch bệnh COVID-19.

Giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định triển khai, các sở ngành đã ban hành hướng dẫn thực hiện. Qua tổng hợp tình hình thực hiện thu học phí cho thấy mức thu phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân với mức tiền đóng học phí hàng tháng chiếm tỷ lệ khá nhỏ trong thu nhập của các hộ gia đình.

Tổng số học phí thực hiện thu giai đoạn 2016-2020 là 539,2 tỷ đồng (trong đó: mầm non: 131,8 tỷ đồng, THCS: 243,3 tỷ đồng, THPT: 118,9 tỷ đồng, khối trung cấp, cao đẳng: 45,2 tỷ đồng). Giai đoạn 2016-2021 đã có 70.927 lượt học sinh, sinh viên được miễn, giảm học phí với kinh phí khoảng 195.9 tỷ đồng (mầm non, phổ thông: 15,4 tỷ đồng; trung cấp, cao đẳng: 180,5 tỷ đồng), có 49.739 lượt lượt sinh được hỗ trợ chí phí học tập với kinh phí 36,4 tỷ đồng.

Việc ban hành, triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thể hiện sự quan tâm kịp thời của tỉnh, sự hỗ trợ thiết thực cho cho duy trì học tập của học sinh trong thời điểm tình hình dịch bệnh COVID 19 trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp. Tỉnh đã thực hiện hỗ trợ cho 268.313 đối tượng h5oc sinh với tổng kinh phí thực hiện là 76,5 tỷ đồng.

Qua tổng hợp, cho thấy mức thu học phí phù hợp với khả năng đóng góp thực tế của người dân; trong giai đoạn qua, chưa có trường hợp học sinh trường công lập phải nghỉ học do khó khăn vì học phí. Các đối tượng chính sách, đối tượng khó khăn đã được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, qua đó đã góp phần hỗ trợ, động viên con em các gia đình có hoàn cảnh khó khăn đến trường, đến lớp.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định 81/2021/NĐ- CP về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo với khung thu, mức thu học phí cao hơn các Nghị định cũ.

Tại điểm a, khoản 2 Điều 9 Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khung học phí (mức sàn - mức trần) do Chính phủ quy định để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí; quy định mức học phí trường tiểu học công lập để làm căn cứ hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

Căn cứ khoản 2 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập tại địa phương”.

Do vậy, căn cứ các hướng dẫn tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP và quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì việc xây dựng và trình HĐND tỉnh Nghị quyết quy định mức thu học phí đôi với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và xây dựng tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh là cần thiết vừa để thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước, vừa để bảo đảm phù họp với tình hình thực tế của tỉnh.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỤNG DỤ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Mục đích

Đảm bảo cơ sở pháp lý cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập xác định được mức thu học phí và thực hiện thu học phí ở năm học 2022-2023 phù hợp với quy định của pháp luật và thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Xác định tiêu chí dịa bàn cấp xã không đủ trường tiểu học công lập để làm căn cứ thực hiện hỗ trợ tiền dóng học phí cho học sinh tiểu học ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập di học tại các trường tư thục.

**2. Quan điểm**

Xây dựng mức thu học phí, tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập của tỉnh đảm bảo tuân thủ các quy định của Trung ương, phù họp với điều kiện thực tế của địa phương tỉnh Đồng Nai và đảm bảo tính khả thi.

Việc xây dụng dự thảo Nghị quyết đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các nghị định hướng dẫn có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối họp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng dự thảo Nghị quyết.

- Dự thảo Nghị quyết dã được đã tố chức lấy ý kiến của Mặt trận Tố quốc tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ sở giáo dục.

- Dự thảo Nghị quyết và dự thảo Tờ trình đã được đăng lên cổng thông tin điện tử của tỉnh từ ngày / /2022 đến / /2022.

- Dự thảo Nghị quyết đã được các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh nghe, cho ý kiến và hoàn chỉnh theo góp ý.

- Dự thảo đã được Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định sự phù hợp về căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 2 phần: Phần căn cứ và phần quyết nghị.

- Phần căn cứ có 8 nội dung.

- Phần quyết nghị gồm 5 điều.

**2. Nội dung của dự thảo Nghị quyết**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục trung học cở sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập;

b) Quy định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập và học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định;

c) Quy định Tiêu chí xác định địa bàn xã, phường, thị trấn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em học mầm non, học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, học viên đang học ở các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Học sinh tiểu học ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập đi học ở các trường tư thục.

c) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục có giảng dạy cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh;

d) Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập; mức hỗ trợ học phí cho học sinh tiểu học tư thục

1. Mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập học trực tiếp

a) Mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập học trực tiếp chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

*ĐVT: Đồng/học sinh/thán*g

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng, địa bàn** | **Mầm non** | **Giáo dục phổ thông** | | **GDTX (dạy văn hóa)** | |
| **THCS** | **THPT** | **TIICS** | **THPT** |
|
| 1. Thành thị | 300 | 300 | 300 | 300 | 300 |
| 2. Nông thôn | 100 | 100 | 200 | 100 | 200 |
| 3. Miền núi | 50 | 50 | 100 | 50 | 100 |

Mức thu học phí trên được xác định theo địa điểm nơi cơ sở giáo dục đóng.

Khu vực thành thị bao gồm các phường thuộc thành phố Biên Hoà, thành phố Long Khánh, các thị trấn thuộc các huyện; Khu vực nông thôn bao gồm các đơn vị xã thuộc thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các đơn vị xã thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh (không bao gồm các xã thuộc khu vực miền núi); Khu vực miền núi gồm các đơn vị hành chính cấp xã là xã miền núi trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

b) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Bằng 2 lần mức học phí tại điểm a khoản này.

c) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Bằng 2,5 lần mức học phí tại điểm a khoản này.

2. Mức hỗ trợ học phí đối với học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập và hỗ trợ các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

*ĐVT: Đồng/học sinh/tháng*

|  |  |
| --- | --- |
| **Vùng, địa bàn** | **Mức hỗ trợ** |
| 1. Thành thị | 300 |
| 2. Nông thôn | 100 |
| 3. Miền núi | 50 |

3. Mức học phí học trực tuyến (học Online)

Trường hợp học trực tuyến, mức học phí thu của các cơ sở giáo dục công lập và mức hỗ trợ học phí đối với học sinh tiểu học tư thục bằng 70% mức học phí học trực tiếp của cơ sở giáo dục tương ứng từng vùng, từng cấp học được quy định tại điếm a, điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 3. Quy định tiêu chí xác định các địa bàn xã, phưòng, thị trấn trên địa bàn tỉnh không đủ trường tiểu học công lập

Địa bàn xã, phường, thị trấn không đủ trường tiểu học công lập khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

1. Tiêu chí mạng lưới trường tiểu học công lập: Không đảm bảo có ít nhất 65 chỗ học cho 1.000 dân.

2. Về định mức học sinh trên lớp: Quy mô học sinh trên lớp của cấp tiểu học vượt quá 5% so với định mức học sinh trên lớp theo quy định. Trong đó, định mức học sinh trên lớp theo quy định tối đa 35 HS/lớp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biếu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phô thông, giáo dục thường xuyên công lập và tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập tren địa bàn tỉnh Đồng Nai, úy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đổi với cơ sở giảo dục mâm non, giáo dục phô thông công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tính Dông Nai; (2) Thuyết minh xây dựng quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mâm non, giáo dục phô thông, giáo dục thường xuyên công lập và tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Ban Văn hóa Xã hội HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;  - Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo;  - Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh (VX);  - Lưu: VT, VX, TH | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH** |